TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16/01/2026
V/v:"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tường Lữ**
Ông **Trần Đình Nhiễm**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Trung Kiên** – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Tiến Kiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2025/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lý Thu T**, sinh năm 2000
Địa chỉ: Khu 1, xã H, tỉnh P.
Hiện đang ở tại: Khu C, phường Â, tỉnh P
Bị đơn: Anh **Phạm Ngọc K**, sinh năm 1997
Địa chỉ: Khu 1, xã H, tỉnh P.
(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và anh K vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Lý Thu T trình bày:

Chị và anh Phạm Ngọc K đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh P. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh K cũng có mâu thuẫn với bố mẹ chị như sau: Anh K với bố đẻ chị đi ăn uống với nhau và trong lúc đôi co với nhau anh K có chửi bố mẹ chị những câu nói không chuẩn đạo làm con và vợ chồng chị đã sống ly thân không có quan hệ về mặt tình cảm từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị vì vợ chồng chị không còn tình cảm với nhau nữa.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Gia H, sinh ngày 20/10/2022. Hiện nay con chung đang ở với chị. Ly hôn thì chị xin nuôi con, chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị và anh Phạm Ngọc K không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Ngọc K trình bày: Anh và chị Lý Thu T đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh P. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, do anh mâu thuẫn với bố vợ, anh đã xin lỗi bố vợ nhưng bố vợ không chấp nhận lời xin lỗi của anh và cấm không cho anh sang nhà từ tháng 4 năm 2025 và vợ chồng anh đã sống ly thân từ đó cho đến nay không có quan hệ về mặt tình cảm. Nhưng thỉnh thoảng anh vẫn đưa vợ con đi ăn uống đi siêu thị, nhà bóng. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh thì quan điểm của anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị T.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Gia H, sinh ngày 20/10/2022. Hiện nay con chung đang ở với chị T. Nếu ly hôn đặt ra thì chị T nuôi con. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị chị T khi nào anh có anh sẽ gửi cho con sau vì hiện nay anh đi làm công nhân lương tháng cũng không được đều chỉ đủ miệng ăn và chi phí sinh hoạt hàng ngày cho bản thân.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Anh và chị Lý Thu T không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn đã vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Cho chị Lý Thu T được ly hôn với anh Phạm Ngọc K;

Về con chung: Giao cháu Phạm Gia H, sinh ngày 20/10/2022 cho chị Lý Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Ngọc K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Các đương sự không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lý Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị Lý Thu T và anh Phạm Ngọc K. Bị đơn là anh Phạm Ngọc K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 1, xã H, tỉnh P. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Ngọc K có đến Toà án nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án có bản tự khai tại Toà án sau đó anh K không đến Toà án làm việc buổi nào nữa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh Phạm Ngọc K vẫn vắng mặt tại phiên tòa (không có đơn xét xử vắng mặt), chị Lý Thu T vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh K là phù hợp pháp luật.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thu T và anh Phạm Ngọc K có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T nay là xã H, tỉnh P, hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Đây là hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, phù hợp với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K có mâu thuẫn với bố mẹ của chị T, dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong quan hệ vợ chồng và vợ chồng đã sống ly thân không còn quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Anh K xin đoàn tụ nhưng anh cũng không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp thông tin, quá trình chị T và anh K chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó anh K đã xảy ra mâu thuẫn với bố vợ, anh K đã xin lỗi bố vợ nhưng không được chấp nhận từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau và vợ chồng đã sống ly thân nhau, không ai còn quan tâm đến nhau, chị T đã về nhà bố mẹ ở từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Vợ chồng chị T và anh K không còn thực tế chung sống. Thời điểm hiện tại chị T và anh K đều đi làm ở khu công nghiệp, cả hai đều có công việc, thu nhập và khả năng tài chính để nuôi con. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Gia H, sinh ngày 20/10/2022. Hiện cháu H đang ở cùng chị T, cháu H có sức khỏe tốt, được chị T chăm sóc cho đi học. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Địa phương không nắm được. Quan điểm của địa phương

đề nghị Tòa án giải quyết cho các bên đương sự đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy thực tế chị T và anh K đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến nhau. Anh K xin đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp nào cải thiện tình cảm vợ chồng nên việc anh xin đoàn tụ chỉ làm khó dễ cho nhau, kéo dài tình cảm gây bất lợi về cuộc sống của mỗi người vì vậy chị Lý Thu T làm đơn xin ly hôn anh Phạm Ngọc K và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh là có căn cứ cần chấp nhận. Nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đúng theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình. Nên yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thu T về việc xin ly hôn anh Phạm Ngọc K là có căn cứ, đúng thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, xử cho chị Lý Thu T được ly hôn anh Phạm Ngọc K.

Về con chung: Chị Lý Thu T và anh Phạm Ngọc K có 01 con chung là cháu Phạm Gia H, sinh ngày 20/10/2022. Hiện nay cháu Phạm Gia H đang ở với chị T, khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cháu H.

Xét việc nuôi con chung Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, xét về điều kiện nuôi con thì cả anh K và chị T đều có khả năng và điều kiện để nuôi con. Hơn nữa hiện nay cháu H đang sinh sống, học tập ổn định cùng với chị T. Để cuộc sống của con không bị xáo trộn nên cần tiếp tục giao cháu Phạm Gia H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế và phù hợp với quan điểm của anh K là nếu anh chị ly hôn thì chị T nuôi con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T, anh có điều kiện sẽ cấp dưỡng cho con sau.

Anh Phạm Ngọc K có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lý Thu T tự nguyện không yêu cầu anh Phạm Ngọc K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị Lý Thu T và anh Phạm Ngọc K không có nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lý Thu T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thu T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lý Thu T được ly hôn với anh Phạm Ngọc K.

Về con chung: Giao cháu Phạm Gia H, sinh ngày 20/10/2022 cho chị Lý Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Không có nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Lý Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Lý Thu T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005153 ngày 11 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 4 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã H, tỉnh P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hương Thủy